

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DSST

Ngày: 27/4/2021

V/v: “Tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Bùi Thanh Trí**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố T* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 227/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp nợ hui*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐ-ST ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Trung H**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực B, phường T, quận C, thành phố T.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc N**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực H, phường T, quận C, thành phố T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1987. (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực H, phường T, quận C, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề Ný 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Trung H trình bày:**

Ông H có tham gia dây hội do bà Nguyễn Thị X và ông Trần Ngọc N làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội tháng mở ngày 10/3/2018, có 23 chung, mỗi chung hội là 1.000.000đ. Ông H tham gia 01 chung. Dây hội này có 23 chung hội, đã hốt 16 chung hội. Sau đó tuyên bố bế hội. Ông H đã đóng được 10.325.000 đồng. Do hội bế nên ông H yêu cầu bị đơn trả số tiền của dây này là 16.000.000 đồng.

- Dây hội mở ngày 30/5/2018, có 19 chung. Mỗi chung là 3.000.000 đồng, 02 tháng xổ một lần, đã chết 08 chung. Tổng số tiền đã đóng là 21.200.000 đồng. Hội bế nên ông H yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội của 08 chung hội chết là 48.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông H yêu cầu bà Nguyễn Thị X và ông Trần Ngọc N phải trả là 64.000.000 đồng.

*** Bị đơn Trần Ngọc N trình bày:** Bị đơn thừa nhận có mở các dây hội như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận chỉ nợ nguyên đơn số tiền là 57.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X trình bày:** Bà X thừa nhận cùng chồng Trần Ngọc N có mở hội cho Lê Trung H tham gia. Bà X đồng ý trả số tiền 64.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Do vụ án hòa giải không thành cho nên đưa ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội đã đóng qua các lần cụ thể như sau: Dây hội Ný 10/3/2018 với số tiền là 10.325.000 đồng và dây hội Ný 30/5/2018 với số tiền là 21.200.000 đồng. Tổng số tiền hội mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 31.525.000 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy nguyên đơn có chơi hội của bị đơn. Bị đơn bế hội. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị X trả số tiền 31.525.000 đồng tiền hội đã

đóng là có cơ sở. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ đơn khởi kiện cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có hình thành giao dịch về hui. Do bị đơn bẻ hui nên phát sinh tranh chấp, đây là quan hệ “Tranh chấp nợ hui” giữa công dân với nhau được Nnh luật dân sự điều chỉnh và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Trần Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X vẫn vắng mặt không rõ lý do Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn Trần Ngọc N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

+ Đối với dây hui tháng mở ngày 10/3/2018, có 23 chung, mỗi chung hui là 1.000.000đ. Ông H tham gia 01 chung. Dây hui này có 23 chung hui, đã hốt 16 chung. Sau đó tuyên bố bẻ hui. Ông H đã đóng được 10.325.000 đồng. Hui này đến nay cũng đã mãn.

+ Đối với dây hui mở ngày 30/5/2018, có 19 chung. Mỗi chung là 3.000.000 đồng, 02 tháng khai một lần, ông H tham gia 02 chung. Dây hui này đã chết 08 chung. Sau đó, tuyên bố bẻ hui. Tổng số tiền ông H đã đóng là 21.200.000 đồng. Hui này đến nay cũng đã mãn.

Tổng số tiền ông H yêu cầu bà Nguyễn Thị X và ông Trần Ngọc N phải trả là 31.525.000 đồng.

Bị đơn Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị X thừa nhận có tổ chức mở hui cho ông H tham gia. Ông N và bà X thống nhất với trình bày của ông H về dây hui, chung hui tham gia. Hui đã bẻ do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bà X đồng ý trả số tiền nguyên đơn yêu cầu ban đầu là 64.000.000 đồng (BL 30); ông N cũng đồng ý trả số tiền trên nếu đúng (BL 29). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông N, bà X có trách nhiệm trả số tiền nợ

hội là 31.525.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên ghi nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn.

Từ những nhận định cho thấy yêu cầu đòi lại tiền hội của nguyên đơn là có căn cứ, buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm trả cho nguyên đơn với số tiền là 31.525.000 đồng.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 440, Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP Ny 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung H.

Buộc bị đơn ông Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị X trả số tiền nợ hội cho nguyên đơn ông Lê Trung H với số tiền là 31.525.000 đồng.

Kể từ Ny có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.576.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận C.

Nguyên đơn Lê Trung H được nhận lại số tiền 1.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006474 Ny 02/11/2020 của Chi cục Thị hành án Dân sự quận C.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến